BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

GIAO BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2016 CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (ĐỢT 11)

(Kèm theo Quyết định số 2966 /QĐ-BKHCN ngày 12 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Mã nguồn Tabmis	Tổng số	Chi tiết theo các đơn vị sử dụng	
				Văn phòng các Chương trình KH&CN quốc gia	Văn phòng các Chương trình trọng điểm cấp Nhà nước
A	B	C	D=1 đến 2	1	2
	DỰ TOÁN CHI NSNN		**25.395,0**	**15.400,0**	**9.995,0**
A	**CHI THƯỜNG XUYÊN**		**25.395,0**	**15.400,0**	**9.995,0**
I	**Nghiên cứu khoa học**		**25.395,0**	**15.400,0**	**9.995,0**
I.1	*Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật (Loại 370-371)*		**25.395,0**	*15.400,0*	*9.995,0*
a	***Vốn trong nước***		**25.395,0**	***15.400,0***	***9.995,0***
1	**Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ**		**25.395,0**	**15.400,0**	**9.995,0**
	- Kinh phí được giao khoán				
	- Kinh phí không được giao khoán	**16**	**25.395,0**	15.400,0	9.995,0
2	**Kinh phí thường xuyên**		**-**		
	- Kinh phí thực hiện tự chủ	**13**			
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	**12**			
3	**Kinh phí không thường xuyên**		**-**		
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	**12**	**-**		
I.2	*Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn (Loại 370-372)*		**-**		
1	**Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ**		**-**		
	- Kinh phí thực hiện khoán		**-**		
	- Kinh phí không thực hiện khoán	**16**	**-**		
	MÃ SỐ ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH			**1115577**	**1030031**
	Địa điểm KBNN nơi đơn vị sử dụng ngân sách giao dịch:			**KBNN Thành phố Hà Nội**	**KBNN Thành phố Hà Nội**
	Mã Kho bạc nhà nước			**0011**	**0011**

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

THUYẾT MINH BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2016 CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (ĐỢT 11)

(Kèm theo Quyết định số 2966 /QĐ-BKHCN ngày 12 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số dự toán phân bổ cho các đơn vị	Văn phòng các chương trình KH&CN quốc gia		Văn phòng các chương trình KH&CN trọng điểm cấp nhà nước
A	B	C=1 đến 2	1		2
	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	**25.395,0**	**15.400,0**		**9.995,0**
A	**CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN**				
B	**CHI THƯỜNG XUYÊN**	**25.395,0**	**15.400,0**		**9.995,0**
I	**KINH PHÍ SỰ NGHIỆP KHOA HỌC**	**25.395,0**	**15.400,0**		**9.995,0**
I.1	**VỐN TRONG NƯỚC**	**25.395,0**	**15.400,0**		**9.995,0**
I.1.1	**KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ**	**25.395,0**	**15.400,0**		**9.995,0**
A	***Cấp Nhà nước***	**25.395,0**	***15.400,0***		***9.995,0***
1	Đề tài, dự án theo Nghị định thư (mở mới từ năm 2016)	**15.400,0**	15.400,0		
2	Đề tài, nhiệm vụ KH&CN độc lập cấp quốc gia	**2.730,0**			2.730,0
3	Các đề tài, dự án thuộc các Chương trình KH&CN trọng điểm cấp Nhà nước	**7.265,0**			7.265,0
B	***Cấp Bộ***				
I.1.2	**KINH PHÍ THƯỜNG XUYÊN**				
I.1.3	**KINH PHÍ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN**				
I.2	**VỐN NGOÀI NƯỚC**				
	Cộng kinh phí sự nghiệp khoa học				
	Trong đó: + Vốn trong nước	**25.395,0**	**15.400,0**		**9.995,0**
1	***Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ***	**25.395,0**	***15.400,0***		***9.995,0***
	- Kinh phí thực hiện khoán				
	- Kinh phí không thực hiện khoán	**25.395,0**	***15.400,0***		***9.995,0***
2	***Kinh phí thường xuyên***				
	- Kinh phí thực hiện tự chủ				
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ				
3	***Kinh phí không thường xuyên***				
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ				
	+ Vốn ngoài nước				
	TỔNG CỘNG	**25.395,0**	**15.400,0**		**9.995,0**

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

GIAO BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2016 (ĐỢT 11)

Của: Văn phòng các Chương trình KH&CN quốc gia

(Kèm theo Quyết định số: 1966 /QĐ-BKHCN ngày 12 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Mã tính chất nguồn kinh phí	Tổng số		Ghi chú
1	2	3	4		5
	DỰ TOÁN CHI NSNN		**15.400**		
A	**CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN**				
B	**CHI THƯỜNG XUYÊN**		**15.400**		
I	**Nghiên cứu khoa học**		**15.400**		
I.1	*Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật (Loại 370-371)*		**15.400**		
a	***Vốn trong nước***		**15.400**		
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ		15.400		
	- Kinh phí được giao khoán				
	- Kinh phí không được giao khoán	16	15.400		
2	Kinh phí thường xuyên				
	- Kinh phí thực hiện tự chủ	13			
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	12			
3	Kinh phí không thường xuyên				
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	12			
	MÃ SỐ ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH	**1115577**			
	Địa điểm KBNN nơi đơn vị sử dụng ngân sách giao dịch:	**KBNN Thành phố Hà Nội**			
	Mã Kho bạc nhà nước	**0011**			

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

THUYẾT MINH GIAO BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2016 (ĐỢT 11)

Của: Văn phòng các Chương trình KH&CN quốc gia

(Kèm theo Quyết định số: 2966 /QĐ-BKHCN ngày 12 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	
1	2	3	
	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC		**15.400**
B	**CHI THƯỜNG XUYÊN**		**15.400**
I	**KINH PHÍ SỰ NGHIỆP KHOA HỌC**		**15.400**
I.1	**VỐN TRONG NƯỚC**		**15.400**
I.1.1	**KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ**		**15.400**
A	***Cấp Nhà nước***		**15.400**
1	Đề tài, dự án theo nghị định thư mở mới, bắt đầu thực hiện từ năm 2016		15.400
B	***Cấp Bộ***		
I.1.2	**KINH PHÍ THƯỜNG XUYÊN**		
1	***Quỹ lương và hoạt đông bộ máy theo chỉ tiêu biên chế***		
2	***Hoạt động thường xuyên theo chức năng***		
I.1.3	**KINH PHÍ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN**		
I.2	**VỐN NGOÀI NƯỚC**		
	Cộng kinh phí sự nghiệp khoa học		
	Trong đó: + Vốn trong nước		**15.400**
1	***Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ***		15.400
	- Kinh phí thực hiện khoán		
	- Kinh phí không thực hiện khoán		15.400
2	***Kinh phí thường xuyên***		
	- Kinh phí thực hiện tự chủ		
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ		
3	***Kinh phí không thường xuyên***		
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ		
	+ Vốn ngoài nước		
	TỔNG CỘNG		**15.400**

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Phụ lục 1

PHÂN BỔ KINH PHÍ CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
THEO NGHỊ ĐỊNH THƯ MỞ MỚI BẮT ĐẦU THỰC HIỆN TỪ NĂM 2016
CỦA: VĂN PHÒNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA
(Kèm theo Quyết định số 2966 /QĐ-BKHCN ngày 12 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Mã số, Tên đề tài, dự án	Chủ nhiệm, Tổ chức chủ trì	Thời gian thực hiện (tháng)	Tổng kinh phí từ NSNN	Kinh phí cấp năm 2016	*Ghi chú*
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
1	Nghiên cứu mã vạch DNA một số loài cá có giá trị sinh thái và kinh tế ở vùng ven biển Việt Nam	**TS. Phạm Thế Thư,** Viện Tài nguyên và Môi trường biển, Viện Hàn lâm KHCN Việt Nam	24	**3.200**	1.100	*QĐ phê duyệt kinh phí số 1341/QĐ-BKHCN ngày 27/5/2016*
2	Phát triển hệ thống vi lỏng kết hợp aptamer và cảm biến trở kháng nhằm phát hiện tế bào ung thư.	**PGS.TS. Chử Đức Trình,** Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội	36	**4.292**	1.400	*QĐ phê duyệt kinh phí số 1778/QĐ-BKHCN ngày 29/6/2016*
3	Nghiên cứu sản xuất và ứng dụng một số vật liệu mới (Chất hấp thụ, hạt cải tạo đất và vải địa kỹ thuật) từ phụ phế phẩm mía đường và lúa để nâng cao giá trị gia tăng và phục vụ nông nghiệp bền vững	**GS.TS. Đỗ Năng Vịnh,** Viện Di truyền Nông nghiệp, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	36	**4.065**	1.115	*QĐ phê duyệt kinh phí số 1779/QĐ-BKHCN ngày 29/6/2016*
4	Nghiên cứu công nghệ chế tạo vật liệu điện cực hiệu năng cao từ vỏ trấu ứng dụng trong siêu tụ và ắc quy.	**PGS.TS. Mai Thanh Tùng,** Viện Kỹ thuật Hóa học, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội	36	**3.991**	1.300	*QĐ phê duyệt kinh phí số 1825/QĐ-BKHCN ngày 30/6/2016*

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

GIAO BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2016 (ĐỢT 11)

Của: Văn phòng các chương trình trọng điểm cấp Nhà nước

(Kèm theo Quyết định số: 2966 /QĐ-BKHCN ngày 12 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Mã tính chất nguồn kinh phí	Tổng số	Ghi chú
1	2	3	4	5
	DỰ TOÁN CHI NSNN		**9.995**	
B	**CHI THƯỜNG XUYÊN**		**9.995**	
I	**Nghiên cứu khoa học**		**9.995**	
I.1	*Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật (Loại 370-371)*		*9.995*	
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ		**9.995**	
	- Kinh phí được giao khoán			
	- Kinh phí không được giao khoán	16	9.995	
2	Kinh phí thường xuyên			
	- Kinh phí thực hiện tự chủ	13		
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	12		
3	Kinh phí không thường xuyên			
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	12		
I.2	*Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn (Loại 370-372)*			
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			
	- Kinh phí thực hiện khoán			
	- Kinh phí không thực hiện khoán	16		
	MÃ SỐ ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH	**1030031**		
	Địa điểm KBNN nơi đơn vị sử dụng ngân sách giao dịch:	**KBNN Thành phố Hà Nội**		
	Mã Kho bạc nhà nước	**0011**		

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

THUYẾT MINH GIAO BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2016 (ĐỢT 11)

Cơ quan: Văn phòng các chương trình trọng điểm cấp Nhà nước

(Kèm theo Quyết định số: 2966 /QĐ-BKHCN ngày 12 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	
1	2	3	
	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC		**9.995**
A	**CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN**		
B	**CHI THƯỜNG XUYÊN**		**9.995**
I	**KINH PHÍ SỰ NGHIỆP KHOA HỌC**		**9.995**
I.1	**VỐN TRONG NƯỚC**		**9.995**
I.1.1	**KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ**		**9.995**
A	***Cấp Nhà nước***		***9.995***
1	Đề tài, nhiệm vụ KH&CN độc lập cấp quốc gia		2.730
2	Các đề tài, dự án thuộc các Chương trình KH&CN trọng điểm cấp Nhà nước		7.265
B	***Cấp Bộ***		
I.1.2	**KINH PHÍ THƯỜNG XUYÊN**		
1	***Quỹ lương và hoạt đông bộ máy theo chỉ tiêu biên chế***		
1.1	**Tổng quỹ lương của cán bộ trong chỉ tiêu biên chế**		
	- Từ ngân sách nhà nước		
	- Từ một phần nguồn thu được để lại theo chế độ		
1.2	**Hoạt động bộ máy**		
	Cộng kinh phí sự nghiệp khoa học		
	Trong đó: + Vốn trong nước		**9.995**
1	***Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ***		***9.995***
	- Kinh phí thực hiện khoán		
	- Kinh phí không thực hiện khoán		9.995
2	***Kinh phí thường xuyên***		
	- Kinh phí thực hiện tự chủ		
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ		
	TỔNG CỘNG		**9.995**

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Phụ lục 2

PHÂN BỔ KINH PHÍ CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA

CỦA: VĂN PHÒNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM CẤP NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 2966 /QĐ-BKHCN ngày 12 tháng 10 năm 2016

của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Mã số	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Chủ nhiệm, Tổ chức chủ trì	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Dự toán năm 2016	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
Chương trình "Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ vật liệu mới", mã số: KC.02/16-20							
1	**KC.02.01/16-20**	Nghiên cứu công nghệ chế tạo masterbatch làm tăng tính năng của một số loại nhựa	TS. Nguyễn Phi Trung, Viện Nghiên cứu và phát triển vật liệu mới, Công ty TNHH Công nghệ và dịch vụ Lạc Trung	2016-2019	12.240	4.477	
2	**KC.02.02/16-20**	Nghiên cứu, thiết kế, xây dựng hệ thống pilot chế biến xỉ Titan thành sản phẩm $TiCl_4$ và TiO_2 công suất 50 kg/giờ.	PGS.TS. Phan Đình Tuấn, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường	2016-2019	11.040	2.788	
		TỔNG CỘNG			**23.280**	**7.265**	

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Phụ lục 3

PHÂN BỔ KINH PHÍ CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐỘC LẬP CẤP QUỐC GIA
CỦA: VĂN PHÒNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM CẤP NHÀ NƯỚC
(Kèm theo Quyết định số 2966 /QĐ-BKHCN ngày 12 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Mã số, Tên đề tài, dự án	Chủ nhiệm, Tổ chức chủ trì	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí từ NSNN	Dự toán 2016	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
1	**ĐTĐL.XH-06/16**: Nâng cao hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc trong điều kiện công nghiệp hóa và hội nhập quốc tế hiện nay	**PGS.TS. Bùi Văn Nam,** Viện Chiến lược và Khoa học Công an, Bộ Công an	36 tháng (2016-2019)	**3.730**	730	*Quyết định phê duyệt kinh phí số 61/QĐ-BKHCN ngày 15/9/2016*
2	**ĐTĐL.CN-34/16**: Nghiên cứu ứng dụng công nghệ đa phương tiện trong bảo tồn và phát huy di sản văn hóa phi vật thể	**PGS.TS. Bùi Thế Duy,** Trường Đại học Công nghệ - Đại học Quốc gia Hà Nội	24 tháng (2016-2018)	**4.200**	1.000	*Quyết định phê duyệt kinh phí số 2488/QĐ-BKHCN ngày 05/9/2016*
3	**ĐTĐL.CN-35/16**: Nghiên cứu công nghệ sản xuất 05 hệ chất tạo bọt chữa cháy thế hệ mới phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy	**ThS. Đỗ Sơn Hải,** Trung tâm Phát triển Công nghệ cao, Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam	36 tháng (2016-2019)	**9.350**	1.000	*Quyết định phê duyệt kinh phí số 2463/QĐ-BKHCN ngày 31/8/2016*
	Cộng			**17.280**	**2.730**	